

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH XUYỀN
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2017/HNGĐ - ST

Ngày 22- 9- 2017

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYỀN TỈNH VINH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Thái

2. Bà Lê Thị Bích Thuần

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Nhật Mai; Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Phan Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2017/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2017 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 01 tháng 09 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương, (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 7 năm 2017 và những lời khai tiếp theo tại tòa nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Chị và anh Trần Văn T trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và được Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc đăng ký kết hôn ngày 23 tháng 12 năm 2004. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống với gia đình nhà anh T tại tổ dân phố C, thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Thời gian đầu chung sống hai vợ

chồng hoà thuận hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân là do anh T chơi bời cờ bạc, không quan tâm đến vợ con. Hai vợ chồng đã ly thân từ tháng 5 năm 2015 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh T không liên lạc, hỏi han gì con cái. Hai vợ chồng không trò chuyện để giải quyết mâu thuẫn được. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng với anh T không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Trần Thị Hải A, sinh ngày 15 tháng 02 năm 2005. Hiện nay cháu A đang ở với chị T. Ly hôn chị đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A, không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn T trình bày: Anh T xác nhận những lời trình bày của chị T về quá trình kết hôn, quá trình chung sống, thời gian sống ly thân như chị T khai là đúng. Mâu thuẫn vợ chồng anh xảy ra từ năm 2015, nguyên nhân chính là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, mâu thuẫn về kinh tế, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống dẫn đến hai vợ chồng thường xảy ra cãi nhau. Nay chị T làm đơn xin ly hôn anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, không thể hàn gắn được, anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng anh có một con chung như chị T trình bày là cháu Trần Thị Hải A, sinh ngày 15 tháng 02 năm 2005. Hiện nay cháu A đang ở với chị T. Ly hôn anh đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T, không đề nghị chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã đưa vụ án ra ra xét xử lần thứ nhất vào ngày 19 tháng 9 năm 2017, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập cho các đương sự nhưng anh T đã không có mặt, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất vì vắng mặt bị đơn không có lý do. Ngày 22 tháng 9 năm 2017, Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Quan hệ pháp luật mà Tòa án đang giải quyết là “Ly hôn, tranh chấp về con chung khi ly hôn”, quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự;

[3] Cuộc hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Trần Văn T là hợp pháp, được Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc đăng ký kết hôn, sau khi kết hôn anh chị ở chung với gia đình anh T, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T không tu chí làm ăn, hay chơi cờ bạc, không quan tâm đến vợ con, vợ chồng đã sống ly thân và không cải thiện được tình cảm, anh T

cũng thừa nhận tình cảm của anh với chị T hiện nay không còn, anh chị đã sống ly thân lâu ngày và không còn quan tâm gì đến nhau nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị T; điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa hai anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích để xây dựng gia đình hạnh phúc, ấm no không đạt được; vì vậy căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Trần Văn T.

[4] Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Trần Văn T có một con chung là Trần Thị Hải A, sinh ngày 15 tháng 02 năm 2005. Cháu A hiện nay đang ở với chị T, khi ly hôn cả anh và chị T đều có nguyện vọng xin được nuôi cháu A và không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị T và anh T mâu thuẫn dẫn tới vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay, cháu A cũng ở với chị T tại Hải Dương ăn học ổn định từ đó cho đến nay, chị T hiện nay là công nhân có mức lương thu nhập ổn định là 6.245.771 đồng/ tháng, quá trình Tòa án giải quyết ly hôn tại Biên bản lấy lời khai ngày 18 tháng 8 năm 2017 cháu Trần Thị Hải A cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ; cháu A lại là con gái hiện nay đang ở độ tuổi mới lớn rất cần có mẹ bảo ban dạy dỗ; chính vì vậy, để đảm bảo cuộc sống cũng như học tập của cháu A, Hội đồng xét xử giao cháu A cho chị T nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị T là phù hợp.

Về tài sản: Chị T và anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị T được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Trần Thị Hải A, sinh ngày 15 tháng 02 năm 2005 (hiện nay cháu A đang ở với chị T); anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở, gây khó khăn;

3. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2014/0002270

ngày 11 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Xuyên, chi T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có mặt quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- UBND thị trấn Hương Canh;
- Lưu HS + VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền